

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Hoàng Văn Hữu**;

Ông **Nguyễn Dũng Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Giàu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thị Ấy S**, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 5, ấp C, xã D, huyện C, tỉnh N (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trần Thiện Q**, sinh năm 1984; HKTT: Tổ 1, ấp 4, xã D, huyện C, tỉnh N; nơi cư trú: Tổ 5, ấp C, xã D, huyện C, tỉnh N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn ngày 28/02/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Thị Ấy S** trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh **Q** chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại xã Suối Dây. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cách đây hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh **Q** không lo làm ăn, không quan tâm vợ con dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc vì không có tương lai. Anh chị đã ly thân 03 năm nay không đoàn tụ được. Việc vợ chồng chị mâu thuẫn gia đình 02 bên đều biết nhưng không có ý kiến gì. Nay chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Chàm Sa L, sinh ngày 10/5/2013 và Chàm Sa L, sinh ngày 25/5/2016, đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thiện Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh chị chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại xã Suối Dây. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường không có mâu thuẫn gì. Cách đây hơn 03 năm thì gia đình vợ cho vợ anh đi hợp tác lao động ở nước ngoài và mới về nước hơn 01 tháng nay chứ không phải sống ly thân như vợ anh trình bày. Khi về thì không về ở với anh mà ở nhà mẹ vợ, anh vô thăm 02 lần thì mẹ vợ ngăn cản, kêu Công an xử lý nhưng anh không làm gì sai. Thời gian vợ anh đi lao động nước ngoài thì anh là người nuôi con nên nói anh không lo cho gia đình là không đúng. Theo anh nghĩ vợ anh có tình cảm với người khác nên mới ly hôn với anh nhưng anh không có bằng chứng. Nay anh vẫn còn tình cảm với vợ anh nên không đồng ý ly hôn. Anh muốn được gặp vợ anh để nói chuyện vì 03 năm nay không nói chuyện được với nhau, nếu vợ anh vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận ly hôn. Tuy nhiên, nay anh không đồng ý ly hôn nữa mà yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Giả sử phải ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con cho vợ anh nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Giả sử phải ly hôn thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh Q.

+ Về con chung: Giao 02 con chung cho chị S nuôi dưỡng; ghi nhận chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị S và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị S vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S, anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị S, anh Q khai nhận anh chị chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn chị S cung cấp.

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, chị S khai nhận trong quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn, anh Q không lo lắng cho gia đình; đã ly thân 03 năm nay không đoàn tụ được. Nay chị không còn tình cảm với anh Q nên cương quyết ly hôn. Anh Q không thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn như chị S trình bày và không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chị S đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì anh Q không nuôi con mà giao cho nhà chị S nuôi, anh Q có thời gian sử dụng ma túy và Công an xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh có mời làm việc. Sau khi chị S về nước thì anh chị sống ly thân, chị S biết việc anh Q sử dụng ma túy nên cương quyết yêu cầu ly hôn dù đã được Tòa án hòa giải để đoàn tụ. Như vậy, lời trình bày của chị S là có cơ sở. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Chàm Sa L, sinh ngày 10/5/2013 và Chàm Sa L, sinh ngày 25/5/2016. Chị S yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Q đồng ý giao 02 con chung cho chị S nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Do đó, cần giao 02 con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh Q đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị Ấy S đối với anh Trần Thiện Q. Chị Thị Ấy S được ly hôn với anh Trần Thiện Q.

2- Về con chung: Giao cho chị Thị Ấy S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung tên Chàm Sa L, sinh ngày 10/5/2013 và Chàm Sa L, sinh ngày 25/5/2016; ghi nhận chị Thị Ấy S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Thiện Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Ấy S và anh Trần Thiện Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Thị Ấy S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007120 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do Thị Mây Gim nộp thay); chị Thị Ấy S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung